

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐẠI AN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐẠI AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAIAN SCIENCE AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DAIAN ST., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109033684

3. Ngày thành lập: 20/12/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 4B, ngách 142 đường Nguyễn Đình Hoàn, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0975261919

Fax:

Email: tqviet2003@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng rau các loại Trồng đậu các loại Trồng hoa hàng năm	0118
5.	Trồng cây hàng năm khác	0119
6.	Trồng cây ăn quả	0121
7.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
8.	Trồng cây lâu năm khác	0129
9.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
10.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
11.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
12.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
13.	Chăn nuôi gia cầm	0146
14.	Chăn nuôi khác	0149
15.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
16.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
17.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
18.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
19.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164

20.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
21.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
22.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
23.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
24.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
25.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
26.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
27.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
28.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
29.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
30.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
31.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
32.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
33.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
34.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
35.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
36.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
37.	Thu gom rác thải độc hại	3812
38.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
39.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
40.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
41.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
42.	Xây dựng nhà để ở	4101
43.	Xây dựng nhà không để ở	4102
44.	Xây dựng công trình điện	4221
45.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
46.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
47.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
48.	Xây dựng công trình thủy	4291
49.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
50.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
51.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
52.	Phá dỡ	4311
53.	Chuẩn bị mặt bằng	4312

54.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện cho công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng: Dây dẫn và thiết bị điện, đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học, đĩa vệ tinh, hệ thống chiếu sáng, chuông báo cháy, hệ thống báo động chống trộm, tín hiệu điện và đèn trên đường phố, đèn trên đường băng sân bay. lắp đặt hệ thống điện kết nối các thiết bị điện và đồ dùng gia đình.	4321
55.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Hệ thống sưởi (điện, gas, dầu); Lò sưởi, tháp làm lạnh; Hệ thống thu nạp năng lượng mặt trời không dùng điện; Thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị vệ sinh; Thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hòa không khí; Thiết bị khí đốt (gas); Đường ống dẫn hơi nước; Hệ thống phun nước chữa cháy; Hệ thống phun nước tưới cây; Lắp đặt hệ thống ống dẫn. Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy;	4322
56.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Thang máy, cầu thang tự động; các loại cửa tự động; hệ thống đèn chiếu sáng; hệ thống hút bụi; hệ thống âm thanh; hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí	4329
57.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Sơn bên ngoài và bên trong công trình nhà. Sơn các kết cấu công trình dân dụng, Trát vữa bên trong và bên ngoài các công trình nhà và công trình xây dựng khác, bao gồm các nguyên liệu đánh bóng, Lắp đặt cửa ra vào (loại trừ cửa tự động và cửa cuốn), cửa sổ, khung cửa ra vào, khung cửa sổ bằng gỗ hoặc bằng những vật liệu khác. Lắp đặt thiết bị, đồ dùng nhà bếp, cầu thang và những hoạt động tương tự. Lắp đặt thiết bị nội thất, Hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: Làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được... Xếp, lợp, treo hoặc lắp đặt trong các toà nhà hoặc các công trình khác như: Lát sàn hoặc tường bằng gạch, bê tông, đá xẻ, gạch gốm. Lót ván sàn và các loại phủ sàn bằng gỗ khác. Thảm và tấm phủ sơn lót sàn, bao gồm bằng cao su và nhựa. Lát sàn hoặc ốp tường bằng gạch không nung, đá hoa, đá hoa cương (granit), đá phiến...Giấy dán tường, Lắp gương, kính. Làm sạch các toà nhà mới sau xây dựng,.Các công việc hoàn thiện nhà khác, Lắp đặt nội thất các cửa hàng, nhà di động, thuyền...	4330
58.	Bán buôn thực phẩm	4632

59.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	4669
60.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
61.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
62.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
63.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ phân bón, hoa, cây cảnh,...	4773
64.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô;	4932
65.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
66.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hoạt động vận tải hàng không)	5229

68.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động đo đạc bản đồ; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước Đo đạc, thành lập bản đồ địa chính Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ cơ bản, chuyên ngành Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ; Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ; Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám; Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia; Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp; Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ. Tư vấn thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất Lập thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ; Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia; Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp; Thành lập bản đồ chuyên ngành. Tư vấn lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch ngành Tư vấn lập thiết kế quy hoạch xây dựng Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; Thiết kế quy hoạch xây dựng Tư vấn quy hoạch xây dựng nông thôn Tư vấn quy hoạch nông nghiệp Tư vấn lập dự toán xây dựng công trình, dự án Tư vấn lập quy hoạch đô thị (Chỉ hoạt động khi nhà nước cho phép)	7110(Chính)
-----	---	-------------

69.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Điều tra, đánh giá đất đai Xây dựng hệ thống thông tin đất đai Tư vấn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm địa chính Tư vấn về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất Tư vấn xác định giá đất Tư vấn lập báo cáo, đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: Ô nhiễm không khí và nước Kinh doanh dịch vụ kiểm tra, phân tích và đo lường các chỉ số đất, nước, môi trường Dịch vụ tư vấn đánh giá môi trường chiến lược Tổ chức tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường Đánh giá tác động môi trường Lập phương án cải tạo phục hồi môi trường Hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường Quan trắc, phân tích môi trường, đánh giá tác động môi trường; Phát triển, chuyển giao công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, công nghệ môi trường; Tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin về môi trường; Các dịch vụ khác về bảo vệ môi trường. (Chỉ hoạt động khi nhà nước cho phép)	7120
70.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
71.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
72.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
73.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
74.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo lường, chuẩn đo lường Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa kinh doanh dịch vụ kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng Kinh doanh dịch vụ giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Chỉ hoạt động khi nhà nước cho phép)	7490
75.	Cho thuê xe có động cơ	7710

76.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
77.	Đào tạo trung cấp	8532
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Số 34 ngõ 167 Nguyễn Ngọc Vũ, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	15,000	013097316	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	15,000		

2	NGUYỄN NGỌC TÚ	Tổ dân phố số 9, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	15,000	0400770004 87
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	15,000	
3	TRẦN QUỐC VIỆT	Số 4B, ngách 142 đường Nguyễn Đình Hoàn, Phường Nghĩa Đo, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	700.000	7.000.000.000	70,000	013119756
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	700.000	7.000.000.000	70,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN QUỐC VIỆT

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 24/07/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013119756

Ngày cấp: 26/12/2008

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 4B, ngách 142 đường Nguyễn Đình Hoàn, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 4B, ngách 142 đường Nguyễn Đình Hoàn, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội